TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC HÒA** TỈNH LONG AN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 134/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 27-6-2018
"V/v ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Văn Công Thức.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông La Văn Việt.

2. Bà Trương Thị Kim Cương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Quốc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 27/6/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 388/2018/TLST-HNGĐ ngày 12/4/2018 về việc "*Ly hôn*". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 158/QĐXXST-HNGĐ ngày 11/6/2018 và quyết định hoãn phiên tòa số 83/2018/QĐST-HNGĐ ngày 18/6/2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1977.

2. *Bị đơn*: Ông Nguyễn Văn S sinh năm 1973.

Địa chỉ: Ấp N, xã T, huyện Đ, tỉnh Long An. (Bà L có mặt, ông S vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn ngày 13/4/2018, những lời khai tiếp theo và tại phiên tòa bà Nguyễn Thị L, trình bày:

Bà và ông Nguyễn Văn S chung sống với nhau vào năm 1995, không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng đến năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân bà L cho rằng do cuộc sống vợ chồng không hòa hợp, thường xuyên cãi vã nhau, bất đồng quan điểm, nên đã ly thân nhau từ tháng

02 năm 2018 cho đến nay. Nhận thấy, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà xin ly hôn.

Về con chung: Bà L khai quá trình chung sống bà và ông S có 02 con chung là Nguyễn Thị X, sinh năm 1997 và Nguyễn Văn M, sinh năm 2007. Hiện con đang sống với bà. Khi ly hôn, chị X đã trưởng thành nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết, bà xin được quyền trực tiếp nuôi cháu M, không yêu cầu ông S cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Bà cho rằng quá trình chung sống bà và ông S có tạo lập diện tích đất khoảng 1.000m^2 và căn nhà cất trên đất, tọa lạc tại ấp N, xã T, huyện Đ, Long An và 04 con bò vàng. Bà cho rằng số tài sản trên hiện do ông S đang quản lý. Khi ly hôn, bà và ông S tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà L khai không có.

Đối với ông Nguyễn Văn S, từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến nay có tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông S không đến tòa theo giấy triệu tập, cũng không có ý kiến gì phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của bà L.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai công khai tại phiên toà, trên cơ sở trình bày của đương sự, qua thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. *Về tố tụng,*

Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng trong đó có quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông Nguyễn Văn S vắng mặt nên Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa tiến hành đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm theo thủ tục chung là đúng với quy định tại các điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. *Về nội dung,*

Theo bà L trình bày thì bà và ông S chung sống với nhau vào năm 1995 nhưng không có đăng ký kết hôn. Ủy ban nhân dân xã T cũng có văn bản xác nhận là bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn S có chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn. Như vậy, việc bà L và ông S chung sống với nhau như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn là trái với quy định tại Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2010.

Tại phiên tòa, bà L xin ly hôn, ông S vắng mặt không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu xin ly hôn của bà L nhưng do cả hai sống chung với nhau như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng nên Tòa án phải áp dụng Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để tuyên không công nhận bà L và ông S là quan hệ vợ chồng.

Về con chung: Bà L khai quá trình chung sống bà và ông S có 02 con chung là Nguyễn Thị X, sinh năm 1997 và Nguyễn Văn M, sinh năm 2007. Hiện con

đang sống với bà. Khi ly hôn, chị X đã trưởng thành nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết, bà xin được quyền trực tiếp nuôi cháu M,

Tại bản tự khai cháu M có nguyện vọng sống với bà L khi bà và ông S ly hôn. Do vậy, Hội đồng xét xử giao cháu M cho bà L tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của cháu, phù hợp với Khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về cấp dưỡng: Bà L không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Về tài sản: Bà L cho rằng bà và ông S tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến.

Về nợ chung: Bà L khai không có.

Ông Nguyễn Văn S không có ý kiến phản hồi gì về việc ông và bà L có tài sản chung trong quá trình chung sống hay không. Trường hợp bà L, ông S có tranh chấp về tài sản chung trong thời gian sống chung thì có quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự khác nêu có căn cứ.

]3]. Về án phí: Bà Nguyễn Thị L phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm sung ngân sách Nhà nước là đúng quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 28, 35, 39, 63, 222, 225, 227 và 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các điều 14, 15, 80, 81, 82, 83, 84, 85 và 86 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

***Tuyên xử*:**

Về hôn nhân: Không công nhận bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn S là quan hệ vợ chồng.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị L được quyền tiếp tục nuôi con chung là cháu Nguyễn Văn M, sinh ngày 25/10/2007. Ông Nguyễn Văn S không phải cấp dưỡng nuôi con vì bà Nguyễn Thị L không yêu cầu.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Vì lợi ích của con, khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức hoặc cha, mẹ có thỏa thuận về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con phải xem xét nguyện vọng của con từ đủ 07 tuổi trở lên.

Về án phí:

Bà Nguyễn Thị L phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm sung ngân sách Nhà nước nhưng được chuyển từ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0002634 ngày 13/4/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa, sang án phí để thi hành.

Án xử sơ thẩm tuyên án công khai, nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc được niêm yết theo quy định pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Văn Công Thức